

Số: 01/2020/QĐST- KDTM

Y, ngày 09 tháng 3 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 02 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 03/2020/TLST- KDTM ngày 10 tháng 01 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội U thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo E xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần C

Trụ sở chính: Số 108 T – quận H – thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê E O (CMND số 012942814 do Công an Hà Nội cấp ngày 11/04/2007) – chức vụ: Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP C.

Người đại diện theo uỷ quyền: Lê Hoài P – Phó trưởng phòng tổng hợp Ngân hàng thương mại cổ phần C - Chi nhánh Y (Theo giấy uỷ quyền số: 224/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 19/03/2019)

Địa chỉ: Số 4 T – phường U – Thành Phố Y – tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Công ty cổ phần cơ giới xây dựng Q (Sau đây gọi tắt là Công ty xây dựng Q)

Địa chỉ trụ sở: Tô 2, phường A, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô E D, sinh năm 1972 – Giám đốc công ty.

Trú tại: Tổ 2, phường A, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn Ê, sinh năm 1957

Bà Đinh Thị N, sinh năm 1958

Chị Nguyễn Thị U, sinh năm 1980

Anh Nguyễn Văn E, sinh năm 1982

Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1985

Chị Nguyễn Thị Ô, sinh năm 1988

Chị Nguyễn Thị R, sinh năm 1991

Cùng địa chỉ nơi cư trú: M 2, phường A, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bà N, chị U, anh E, chị G, chị Ô và chị R đã ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Ê (Theo văn bản ủy quyền ngày 27/02/2020 có chứng thực của UBND phường A)

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Tính đến ngày 27/02/2020 Công ty cổ phần cơ giới xây dựng Q còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần C tổng số tiền là: 2.095.061.136 đồng. Trong đó số tiền nợ gốc là: 1.099.486.350 đồng, nợ lãi trong hạn chưa thanh toán là: 692.740.257 đồng, nợ lãi quá hạn chưa thanh toán là: 302.834.529 đồng theo hợp đồng tín dụng số 30.15.88/HĐTDHM/NHCT260-NQ ngày 01/09/2015.

2.2. Công ty cổ phần cơ giới xây dựng Q trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần C theo các kỳ hạn trả nợ như sau:

Ngày 31/3/2020 Công ty cổ phần cơ giới xây dựng Q trả Ngân hàng thương mại cổ phần C 450.000.000 đồng tiền gốc.

Ngày 29/4/2020 Công ty cổ phần cơ giới xây dựng Q trả Ngân hàng thương mại cổ phần C 300.000.000 đồng tiền gốc.

Ngày 29/5/2020 trả 349.486.350 đồng tiền gốc, nợ lãi trong hạn là: 692.740.257 đồng, nợ lãi quá hạn là: 302.834.529 đồng và lãi phát sinh từ ngày 28/02/2020 theo Hợp đồng tín dụng số 30.15.88/HĐTDHM/NHCT260-NQ ngày 01/9/2015 cho đến khi trả hết nợ.

2.3. Nếu Công ty cổ phần cơ giới xây dựng Q vi phạm bất kỳ một kỳ hạn trả nợ nào thì Ngân hàng thương mại cổ phần C có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý phát mại tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất diện tích 1370,4m² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 26, số tờ bản đồ 26 (có sơ đồ thửa đất kèm theo); địa chỉ thửa đất: M 2, phường A, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc; Đúng tên: hộ ông Nguyễn Văn Ê; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AB828195, số vào sổ giấy chứng nhận QSD đất số H00105 do UBND thị xã Y, tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 29/11/2005 để thu hồi toàn bộ số tiền gốc và lãi mà Công

ty cổ phần cơ giới xây dựng Q còn nợ Ngân hàng.

2.4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty cổ phần cơ giới xây dựng Q tự nguyện nộp cả 36.950.611 đồng (Ba sáu triệu chín trăm năm mươi nghìn sáu trăm mười một đồng). Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần C 38.800.000 đồng (Ba mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: AA/2017/0004039 ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Y.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên;
- Chi cục thi hành án DS thành phố Phúc Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Quang Hùng